

Công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Ph

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 37



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong được thành lập theo quyết định số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 1995 với vốn điều lệ là 1.450.000.000 đồng

Ngày 27/12/2006 Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu Tư - Sản xuất - Thương mại Kim Phong theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ mới là 100.000.000.000 đồng. Công ty chuyển trụ sở chính về số 235 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM

Ngày 13/06/2009 Công ty đăng ký giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 với vốn điều lệ mới là 125.000.000.000 đồng.

Ngày 03/03/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty : Ông Lý Chí Cường, chức vụ là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng - công nghiệp - ngư nghiệp
- Cán kéo cốt xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng công trình công nghiệp, cầu đường
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, gạch men, gốm sứ, xi măng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch men, gốm sứ, xi măng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh nhà ở;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý ký gởi hàng hóa

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 235 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0301049697

Chi nhánh

- Chi nhánh công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong tại thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 66 đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Chi nhánh Cần Thơ đã giải thể theo thông báo giải thể số 22/TBGT-ĐKKD ngày 01 tháng 06 năm 2011.

- Chi nhánh công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong tại Hà Nội (chuyển đổi từ chi nhánh công ty TNHH sản xuất thương mại Kim Phong có GCN ĐKKH số 0112000269 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp ngày 21/12/2001). Địa chỉ: Số 198 phố Hàng Bông, Phường Hàng Bông, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Chi nhánh Hà Nội đã giải thể theo thông báo giải thể số 56/TB-ĐKKD.01 ngày 17 tháng 07 năm 2012.

- Chi nhánh công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong. Địa chỉ: Ấp Bến Cam, tỉnh lộ 319, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4713000368 ngày 19 tháng 01 năm 2007.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả hoạt động

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế trong năm	2,805,128,310	5,613,854,082
Lợi nhuận chưa phân phối	23,584,817,361	20,822,265,227

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm Soát vào ngày 31/12/2012 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Thành viên của Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ
Ông Lý Chí Cường	Chủ tịch
Ông Lý Chí Hùng	Thành viên
Ông Lâm Hải	Thành viên
Ông Lê Hữu Khang	Thành viên

Thành viên Ban Giám Đốc	Chức vụ
Ông Huỳnh Chí Công	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám Đốc

Ban Kiểm soát	Chức vụ
Bà Lâm Mộng Ảnh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Bùi Hồng Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên

Kế toán trưởng Công ty
Ông Phạm Trần Chiêu Dương

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tín Việt bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2013

TM. Hội Đồng Quản Trị


David Lee
Lý Chí Cường

TM. Ban Giám Đốc



Huỳnh Chí Công

Số tham chiếu: 049/2013/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm kết thúc cùng ngày

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 37. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận có đoạn ngoại trừ liên quan đến khoản nợ phải thu khác, hàng tồn kho, chi phí trả trước ngắn hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, chi phí trả trước dài hạn.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Hạn chế của phạm vi kiểm toán

1. Ngày 31 tháng 12 năm 2012 chúng tôi không thể tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán và Công ty không tổ chức tái kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày kiểm toán để xác định tính hiện hữu của số dư hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết khác để kiểm chứng số dư hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày nêu trên và những ảnh hưởng của nó đến các khoản mục trên báo cáo tài chính. Do vậy, số dư hàng tồn kho, tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được căn cứ hoàn toàn vào số liệu sổ sách kế toán của công ty và được nêu tại mục 8, 11, 12, phần V thuyết minh báo cáo tài chính.
2. Như đã thuyết minh tại mục 14 phần V của thuyết minh báo cáo tài chính, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.029.473.029 đồng, trong đó công trình nhà kho tại Đồng Nai là 11.032.906.804 đồng và công trình nhà 235 Lý Thường Kiệt là 1.996.566.225 đồng, Công trình nhà kho tại Đồng Nai do Công ty tự xây dựng và đã hoàn thành trong năm 2011 nhưng chưa hoàn tất thủ tục hoàn công và tập hợp đủ chứng từ, trong năm 2012 phát sinh thêm chi phí là 3.981.481.600 đồng. Công trình 235 Lý Thường Kiệt chưa có giấy tờ pháp lý về sở hữu và quyền sử dụng đất, trong năm 2012 phát sinh chi phí sửa chữa là 82.891.800 đồng. Hiện tại, hai công trình nêu trên đã đi vào hoạt động nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo chúng tôi vẫn chưa thu thập đầy đủ hồ sơ nêu trên. Ngoài ra, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết khác để làm cơ sở đưa ra ý kiến đối với khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang này và những ảnh hưởng của nó đến những khoản mục khác trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do vậy, số liệu chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hoàn toàn dựa vào số liệu sổ sách kế toán của công ty.

3. Như đã nêu tại mục 15 phần V của thuyết minh báo cáo tài chính, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 49.807.481.168 đồng, trong đó giá trị còn lại của hệ thống than đá là 47.731.526.848 đồng, khi thanh lý tài sản cố định Công ty chưa hạch toán vào chi phí trong kỳ và được treo lại để phân bổ dần vào chi phí trong 10 năm tiếp theo (Quyết định của Hội đồng quản trị), điều này làm tăng lợi nhuận kế toán năm 2012 của Công ty lên một khoản tương ứng.
4. Như đã nêu tại mục 23 phần V của thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các khoản phải trả dài hạn là số tiền ký quỹ của các đại lý là 8.000.000.000 đồng tại ngày 31/12/2012 chưa có xác nhận.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Nguyễn Văn Hạnh
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0831/KTV

Đỗ Thị Hải Ngọc

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 2166/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2013



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	1/01/2012
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		643,039,751,257	562,390,812,258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2,273,959,189	345,102,164
1. Tiền	111		2,273,959,189	345,102,164
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		16,154,263,790	19,903,153,570
1. Phải thu khách hàng	131	5	13,746,235,709	15,504,547,388
2. Trả trước cho người bán	132	6	1,377,870,600	2,250,689,500
5. Các khoản phải thu khác	138	7	1,030,157,481	2,147,916,682
IV. Hàng tồn kho	140	8	612,904,710,118	531,287,079,589
1. Hàng tồn kho	141		612,904,710,118	531,287,079,589
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,706,818,160	10,855,476,935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	11,201,616,542	10,035,010,016
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	10	505,201,618	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			820,466,919
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		314,575,683,000	327,316,761,405
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		260,169,567,406	320,066,247,404
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	213,384,645,366	275,505,139,565
- Nguyên giá	222		495,958,298,087	546,595,322,318
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(282,573,652,721)	(271,090,182,753)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	27,207,681,904	29,030,339,894
- Nguyên giá	225		40,945,858,665	40,945,858,665
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(13,738,176,761)	(11,915,518,771)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	6,547,767,107	6,565,668,316
- Nguyên giá	228		7,106,416,288	6,976,416,288
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(558,649,181)	(410,747,972)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	13,029,473,029	8,965,099,629
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		54,406,115,594	7,250,514,001
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	49,807,481,168	2,651,879,575
3. Tài sản dài hạn khác	268	16	4,598,634,426	4,598,634,426
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		957,615,434,256	889,707,573,663

4069
NG T
EM H
V VÀ T
VIỆ
HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	1/01/2012
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		809,030,616,895	748,314,096,520
I. Nợ ngắn hạn	310		356,344,602,923	285,699,327,080
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	155,523,600,372	194,577,387,148
2. Phải trả người bán	312	18	150,018,926,271	87,228,563,807
3. Người mua trả tiền trước	313	19	2,398,777,513	1,706,155,131
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	423,378,282	809,750,204
5. Phải trả công nhân viên	315	21	1,247,521,000	
6. Chi phí phải trả	316			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	46,732,399,485	1,377,470,790
II. Nợ dài hạn	330		452,686,013,972	462,614,769,440
3. Phải trả dài hạn khác	333	23	8,000,000,000	8,000,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	24	444,686,013,972	454,614,769,440
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		148,584,817,361	141,393,477,143
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	148,584,817,361	141,393,477,143
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	125,000,000,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(4,428,788,084)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23,584,817,361	20,822,265,227
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		957,615,434,256	889,707,573,663

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	1/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (USD)			-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		510.49	1,403.08
- EUR		217.04	3,380.09
- JPY			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Phạm Trần Chiêu Dương

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2013

Tổng giám đốc



Huỳnh Chí Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	443,451,314,105	422,317,378,652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		184,439,500	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		443,266,874,605	422,317,378,652
4. Giá vốn hàng bán	27	388,389,759,278	361,522,685,487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54,877,115,327	60,794,693,165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	806,757,124	1,211,980,645
7. Chi phí tài chính	29	43,154,733,094	42,554,164,065
+ Trong đó: chi phí lãi vay		38,144,305,164	39,632,850,395
8. Chi phí bán hàng	30	3,750,914,774	5,256,277,071
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	9,437,511,223	7,198,081,123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(659,286,640)	6,998,151,551
11. Thu nhập khác	32	3,912,356,306	568,244,756
12. Chi phí khác	33	447,941,356	16,382,443
13. Lợi nhuận khác		3,464,414,950	551,862,313
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,805,128,310	7,550,013,864
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34		1,936,159,782
16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,805,128,310	5,613,854,082
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	35	224.41	449.11

Kế toán trưởng



Phạm Trần Chiêu Dương

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2013

Tổng giám đốc



Huỳnh Chí Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		2,805,128,310	7,550,013,864
2. Điều chỉnh cho các khoản		105,207,555,416	62,217,906,897
- Khấu hao tài sản cố định		22,410,158,997	23,003,063,796
- Các khoản dự phòng			(238,010,070)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		44,653,091,255	(179,997,224)
- Chi phí lãi vay		38,144,305,164	39,632,850,395
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		108,012,683,726	69,767,920,761
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		4,511,469,761	159,006,223,575
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(81,617,630,529)	(160,019,178,322)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		109,699,062,619	(32,816,119,592)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(48,322,208,119)	496,071,812
- Tiền lãi vay đã trả		(38,144,305,164)	(39,632,850,395)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(447,314,679)	(10,765,078,227)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			1,120,752,192
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(42,576,176)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53,649,181,439	(12,842,258,196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(10,566,526,232)	(6,500,850,096)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3,399,955,978	7,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được			172,997,224
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7,166,570,254)	(6,320,852,872)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		370,085,348,910	263,139,971,626
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(419,067,891,154)	(245,876,462,483)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48,982,542,244)	17,263,509,143
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2,499,931,059)	(1,899,601,925)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		345,102,164	2,243,462,287
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4,428,788,084	1,241,802
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		2,273,959,189	345,102,164

Kế toán trưởng



Phạm Trần Chiêu Dương

TP HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2013

Tổng giám đốc



Huỳnh Chí Công

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong được thành lập theo quyết định số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 1995 với vốn điều lệ là 1.450.000.000 đồng.

Ngày 27/12/2006 Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu Tư - Sản xuất - Thương mại Kim Phong theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ mới là 100.000.000.000 đồng. Công ty chuyển trụ sở chính về số 235 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM.

Ngày 13/06/2009 Công ty đăng ký giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 với vốn điều lệ mới là 125.000.000.000 đồng.

Ngày 03/03/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty : Ông Lý Chí Cường, chức vụ là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty có chức năng kinh doanh sau:

- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng - công nghiệp - ngư nghiệp
- Cán kéo cốt xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng công trình công nghiệp, cầu đường
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, gạch men, gốm sứ, xi măng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch men, gốm sứ, xi măng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh nhà ở;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý ký gởi hàng hóa

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5)

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký Sổ Cái.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

4-C
Y
UHA
SVA
T
HI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.4.1 Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 25 năm
- Dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản hữu hình khác	10 năm

3.4.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao như tài sản cố định của công ty.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng tại công ty như sau:

- Máy móc thiết bị	05 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm

3.4.3 Tài sản cố định vô hình:

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá khấu hao lũy kế và giá trị còn lại

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính

Phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng tại công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất	05 - 25 năm
- Phần mềm quản lý nhân	05 - 08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

3.5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm

3.6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

3.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác định được và khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

3.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1.1. Tiền mặt	149,248,681	145,420,874
- Tiền VND	149,248,681	145,420,874
- Tiền ngoại tệ		
1.2. Tiền gửi ngân hàng	2,124,710,508	111,416,939
- Tiền gửi VND	2,108,141,978	76,218,125
- Tiền gửi ngoại tệ (*)	16,568,530	35,198,814
1.3. Các khoản tương đương tiền	-	88,264,351

Ghi chú:

- (*) Tương đương 510.49 USD và 217.04 EUR
- Tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với biên bản kiểm kê thực tế.
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

Tổng cộng

2,273,959,189

345,102,164

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Công ty TNHH SX TM Đại Trường Phát	2,220,274,992	210,015,232
- Công ty TNHH Hiệp Hương	728,653,841	1,225,053,798
- DNTN Hoàng Bình Nguyên	615,193,831	780,182,836
- Công ty TNHH TM Ngân Tâm	696,388,000	293,590,000
- Công ty TNHH Ý Nga	291,931,196	632,214,403
- Công ty TNHH VLXD Kiến Phát	199,949,200	
- Fu Zhao Zhuan Enterprise CO., LTD.		638,236,569
- He Yuan Xing Co	618,801,546	1,212,489,523
- Kim Phong Joint Stock Company	1,589,036,436	1,815,051,894
- Kaiteng Building Material	6,113,481,631	6,113,481,631
- Zhongya Trading Import Export Co., LTD		2,043,686,682
- Khác	672,525,036	540,544,819
Tổng cộng	13,746,235,709	15,504,547,388

TRÁI
KIỂM
T
QUẢN 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Công ty TNHH Đầu Tư TMDV Kỳ Long		788,287,500
- Công ty TNHH Thiết Bị Nhiệt Ánh Dương		893,500,000
- Công ty CP Nam Việt		180,400,000
- Công ty TNHH Phát Triển Ứng Dụng CNTT Việt	145,509,600	
- Phòng Kinh Tế Huyện Nhơn Trạch	700,000,000	
- Công ty TNHH XD Chống Thấm Nước Phước Trường An	191,000,000	191,000,000
- Công ty TNHH Quản Lý Tài Sản NH TMCP VN Thịnh Vượng	121,039,000	49,363,000
- Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường	150,000,000	
- Khác	70,322,000	148,139,000
Tổng cộng	1,377,870,600	2,250,689,500

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chờ kết chuyển	393,810,748	72,130,014
Thuế GTGT chờ kết chuyển	243,012,766	186,921,857
Thuế GTGT tài sản cố định thuế tài chính	393,234,067	617,147,911
BHYT nộp dư	99,900	
Lương T12 năm 2011 của NV nhà máy Đồng Nai		1,271,716,900
Tổng cộng	1,030,157,481	2,147,916,682

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	612,904,710,118	531,287,079,589
Nguyên vật liệu	392,705,230	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	134,886,029,951	70,954,786,686
Thành phẩm	14,472,488,489	23,976,572,993
Hàng hóa	457,945,265,459	431,147,498,920
	5,208,220,990	5,208,220,990
Tổng cộng	612,904,710,118	531,287,079,589

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay là 35.000.000.000 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11,201,616,542	10,035,010,016
Tổng cộng	11,201,616,542	10,035,010,016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	112,089,913	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	393,111,705	
Tổng cộng	505,201,618	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	91,484,368,790	434,367,497,755	14,902,883,782	2,219,056,436	3,621,515,555	546,595,322,318
2. Số tăng trong năm	-	5,505,075,287	560,909,091	306,168,454	-	6,372,152,832
Bao gồm:						
- Mua trong năm	-	5,505,075,287	560,909,091	306,168,454	-	6,372,152,832
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	54,240,371,416	446,672,000	-	2,322,133,647	57,009,177,063
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	54,240,371,416	446,672,000	-	2,322,133,647	57,009,177,063
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	91,484,368,790	385,632,201,626	15,017,120,873	2,525,224,890	1,299,381,908	495,958,298,087
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	28,752,669,369	229,773,176,836	7,803,688,584	2,121,032,063	2,639,615,901	271,090,182,753
2. Khấu hao trong năm	2,391,353,493	16,493,363,660	1,255,848,844	34,341,015	264,692,786	20,439,599,798
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong năm	2,391,353,493	16,493,363,660	1,255,848,844	34,341,015	264,692,786	20,439,599,798
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	6,508,844,568	446,672,000	-	2,000,613,262	8,956,129,830
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	6,508,844,568	446,672,000	-	2,000,613,262	8,956,129,830
4. Số dư cuối năm	31,144,022,862	239,757,695,928	8,612,865,428	2,155,373,078	903,695,425	282,573,652,721
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	62,731,699,421	204,594,320,919	7,099,195,198	98,024,373	981,899,654	275,505,139,565
2. Tại ngày cuối năm	60,340,345,928	145,874,505,698	6,404,255,445	369,851,812	395,686,483	213,384,645,366

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đến 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 107.709.963.536 đồng.
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 67.644.425.347 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
1. Số dư đầu năm		39,852,151,713	1,093,706,952			40,945,858,665
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	39,852,151,713	1,093,706,952	-	-	40,945,858,665
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm		10,886,873,364	1,028,645,407	-	-	11,915,518,771
2. Khấu hao trong năm	-	1,763,994,168	58,663,822	-	-	1,822,657,990
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong năm	-	1,763,994,168	58,663,822	-	-	1,822,657,990
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	12,650,867,532	1,087,309,229	-	-	13,738,176,761
III. Giá trị còn lại của TSCĐ Thuê Tài Chính						
1. Tại ngày đầu năm	-	28,965,278,349	65,061,545	-	-	29,030,339,894
2. Tại ngày cuối năm	-	27,201,284,181	6,397,723	-	-	27,207,681,904

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý nhân	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
1. Số dư đầu năm	6,958,579,288	17,837,000	6,976,416,288
2. Số tăng trong năm	-	130,000,000	130,000,000
Bao gồm:			
- Mua trong năm	-	130,000,000	130,000,000
- Tặng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Bao gồm:			
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	6,958,579,288	147,837,000	7,106,416,288
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	405,917,120	4,830,852	410,747,972
2. Khấu hao trong năm	139,171,584	8,729,625	147,901,209
Bao gồm:			
- Khấu hao tăng trong năm	139,171,584	8,729,625	147,901,209
3. Giảm trong năm	-	-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	545,088,704	13,560,477	558,649,181
III. Giá trị còn lại của TSCĐ Vô hình			
1. Tại ngày đầu năm	6,552,662,168	13,006,148	6,565,668,316
2. Tại ngày cuối năm	6,413,490,584	134,276,523	6,547,767,107

Quyền sử dụng đất chưa có giấy tờ pháp lý về sở hữu.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 6.413.490.584 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Công trình nhà kho tại Đồng Nai	11,032,906,804	7,051,425,204
- Công trình nhà 235 Lý Thường Kiệt	1,996,566,225	1,913,674,425
Tổng cộng	13,029,473,029	8,965,099,629

Công trình xây dựng nhà kho ở Đồng Nai do Công ty tự xây dựng đã hoàn thành trong năm 2011 nhưng chưa hoàn công và tập hợp đủ chứng từ nhưng đã đưa vào sử dụng, trong năm nay vẫn phát sinh chi phí là 3.981.481.600đ, nên chưa ghi nhận tăng TSCĐ và trích khấu hao.

Công trình nhà 235 Lý Thường Kiệt hiện cũng đã sử dụng nhưng chưa có giấy tờ pháp lý về sở hữu và quyền sử dụng đất để ghi nhận tăng TSCĐ, trong năm nay có phát sinh chi phí sửa chữa là 82.891.800đ

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2,075,954,320	2,651,879,575
Gía trị còn lại của hệ thống đốt bằng than đá đã thanh lý	47,731,526,848	
Tổng cộng	49,807,481,168	2,651,879,575

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Ký cược cho Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	4,598,634,426	4,598,634,426
Tổng cộng	4,598,634,426	4,598,634,426

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngoại tệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Ngân hàng TM CP Á Châu (17.1)		77,760,700,000	87,666,872,624
- Ngân hàng TM CP Á Châu (17.1)	\$1,092,899.00	22,762,900,372	
- Ngân hàng NN và PTNT huyện Nhơn Trạch (17.2)		55,000,000,000	43,500,000,000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (17.3)			63,410,514,524
Tổng cộng		155,523,600,372	194,577,387,148

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(17.1) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TM CP Á Châu:

(a) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số SGD.KP.01011112 ngày 02/11/2012 (Là một phần không tách rời của Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số SGD.KP.01120312 ngày 19/03/2012 hợp đồng sửa đổi bổ sung số SGD.KP.01120312/SĐBS-01 Ngày 22/08/2012, hợp đồng sửa đổi bổ sung số SGD.KP.01120312/SĐBS-02 Ngày 18/09/2012 với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu) và thông báo về việc tái cấp và tăng hạn mức tín dụng ngày 01/11/2012.

- Hạn mức tín dụng: 98.483.337.000 VND và 1,000,000.00 USD

- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh trong và ngoài nước.

- Lãi suất vay, lãi suất chiết khấu: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

- Dư nợ vay đến 31/12/12: 69.760.700.000 đồng và 1,092,899 USD (tương đương 22.762.900.372 đồng)

- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản

- Tài sản đảm bảo

- Bất động sản số 40/5 và 40/3 Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q.11, TP.HCM thuộc sở hữu của cổ đông Công ty trị giá 9.157.000.000 đồng.
- Bất động sản số 299/20 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM thuộc sở hữu của cổ đông Công ty trị giá 97.461.000.000 đồng.
- Hai nhà xưởng trên đất thuê 60.000m² và 30.000m² tại Nhơn Trạch, Đồng Nai thuộc sở hữu của cổ đông Công ty trị giá 93.192.000.000 đồng.
- Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong trị giá là 13.837.000.000 đồng.
- Hàng tồn kho bình quân thuộc quyền sở hữu của công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong trị giá 35.000.000.000 đồng.
- Xe ô tô hiệu Hyundai - HD120 màu trắng trị giá 840.000.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 148332569 ngày 02/11/2012 với Ngân Hàng TMCP Á Châu (ACB)

- Số tiền vay: 8.000.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 6 tháng

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh gạch men

- Lãi suất vay: 14.7%/ năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền lãi vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/ lần theo công thức: bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ + 7.71%

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

- Dư nợ vay đến 31/12/12: 8.000.000.000 đồng

- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản

- Tài sản đảm bảo

- Bất động sản số 40/5 và 40/3 Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q.11, TP.HCM thuộc sở hữu của cổ đông Công ty trị giá 9.157.000.000 đồng.
- Bất động sản số 299/20 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM thuộc sở hữu của cổ đông Công ty trị giá 97.461.000.000 đồng.
- Hai nhà xưởng trên đất thuê 60.000m² và 30.000m² tại Nhơn Trạch, Đồng Nai thuộc sở hữu của cổ đông Công ty trị giá 93.192.000.000 đồng.
- Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong trị giá là 13.837.000.000 đồng.
- Hàng tồn kho bình quân thuộc quyền sở hữu của công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong trị giá 35.000.000.000 đồng.
- Xe ô tô hiệu Hyundai - HD120 màu trắng trị giá 840.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(17.2) Hợp đồng tín dụng số LAV201202729 ngày 27 tháng 06 năm 2012 với Ngân Hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Huyện Nhơn Trạch

- Số tiền vay: 55.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 21/06/2012 đến ngày 21/06/2013)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để thanh toán chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch men, gạch thạch anh các loại và các chi phí khác.
- Lãi suất vay: 13%/ năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Dư nợ vay đến 31/12/12: 55.000.000.000 đồng
- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản
- Tài sản đảm bảo
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở địa chỉ số 235, Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM
 - Dây chuyền 4
 - Dây chuyền 5
 - Dây chuyền 6
 - Máy móc thiết bị phụ trợ nhà xưởng II
 - Hệ thống xử lý môi trường
 - Tài sản khác

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- CN Doanh Nghiệp Tư Nhân Động Lực		2,405,646,895	
- Công ty TNHH Fritta Việt Nam		3,303,066,300	666,700,000
- Công ty TNHH Hồng Thu Huyền		1,693,038,500	
- Công ty TNHH Hsiang Jiuh Việt Nam		3,786,967,300	1,200,187,300
- Công ty CP Khoáng Sản L.Q Joton Gia Lai		3,446,006,000	
- Tổng công ty Dầu Khí VN- Cty CP Phân Phối Khí Thấp Áp Dầu Khí VN		68,475,469,716	
- CN Công ty CP KT Khoáng Sản & XD Miền Nam		2,817,522,137	1,539,637,745
- DNTN Phổ Sơn		1,593,454,736	4,427,946,711
- Công ty TNHH MTV TM & DV XNK Than Quảng Ninh		3,014,189,909	14,937,189,909
- Công ty TNHH Quần Thái		2,710,785,861	2,187,645,550
- Công ty TNHH CN Rockteam VN		3,461,055,000	6,042,000,000
- Công ty TNHH SX TM NLGS Vĩnh Thạnh Thành		13,074,032,948	9,079,351,616
- Công ty TNHH Vĩnh Xuân		3,236,862,954	1,156,650,808
- EN NEN	\$197,776.00	4,119,278,528	4,119,278,528
- Foshan Ming Feng	\$99,453.15	2,071,410,208	2,071,410,208
- Fullimate Trading Group Limited	\$114,841.37	2,391,916,054	2,559,373,174
- GBP Intertrade Co., LTD	\$260,000.48	5,415,289,997	5,415,289,997
- G TOP Trading Limited Room 1303	\$85,622.78	1,783,351,262	2,286,499,506
- Hao Thai,INT'L CO.,LTD	\$62,370.00	1,299,042,360	1,299,042,360
- UFC FUJI	\$250,084.46	5,208,759,133	5,208,759,133
- Zhongke Scientific & Technical	\$264,739.07	5,513,985,350	5,513,985,350
- Khác		9,197,795,123	17,517,615,912
Tổng cộng		150,018,926,271	87,228,563,807

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Công ty TNHH Gạch Men Thiên Phúc	170,527,330	1,706,155,130
- Công ty TNHH Nhà Việt	325,426,683	
- Công ty TNHH TM Triều Thuận Nguyên	1,902,823,500	
Tổng cộng	2,398,777,513	1,706,155,131

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng		678,934,266
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	389,673,577	67,970,843
- Thuế xuất nhập khẩu	33,704,705	8,642,122
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		54,202,973
Tổng cộng	423,378,282	809,750,204

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21. PHẢI TRẢ CÔNG NHÂN VIÊN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Phải trả công nhân viên Đồng nai	1,247,521,000	
	1,247,521,000	-

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn	432,399,485	597,470,790
- Phải trả tiền mượn Tạ Tú Khiển		780,000,000
- Phải trả tiền mượn Lâm Hải	14,300,000,000	
- Phải trả tiền mượn Tạ Xiển Mỹ	4,000,000,000	
- Phải trả tiền mượn Lê Hữu Khang	28,000,000,000	
Tổng cộng	46,732,399,485	1,377,470,790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Phải trả dài hạn khác		
<u>Là số tiền ký quỹ của các đại lý sau:</u>		
Công ty TNHH Ý Nga	1,300,000,000	1,300,000,000
Hoàng Bình Nguyên	700,000,000	700,000,000
Ngân Tâm	1,000,000,000	1,000,000,000
Tín Phát	1,500,000,000	1,500,000,000
Tường Mỹ	1,000,000,000	1,000,000,000
Như Tín	1,000,000,000	1,000,000,000
Đắc Tín	500,000,000	500,000,000
Hoàng Vũ	1,000,000,000	1,000,000,000
Tổng cộng	8,000,000,000	8,000,000,000

Các khoản ký quỹ chưa có xác nhận tại ngày 31/12/2012.

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Vay dài hạn Ngân hàng (24.1)	64,247,563,000	13,209,731,000
- Vay cá nhân (24.2)	373,376,800,000	428,976,800,000
- Nợ dài hạn (24.3)	7,061,650,972	12,428,238,440
Tổng cộng	444,686,013,972	454,614,769,440

(24.1) Là số tiền vay dài hạn của các ngân hàng sau:

(a) Hợp đồng tín dụng số 67736189 ngày 28/10/2009, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 67736189/SĐBS ngày 29/09/2010, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 67736189/SĐBS-01 ngày 28/10/2010 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hợp đồng bổ sung số 67736189/SĐBS-02 ngày 22 tháng 08 năm 2012, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 67736189/SĐBS-03 ngày 18 tháng 09 năm 2012

- Số tiền vay: 18.000.000.000 VND
- Thời hạn vay: 48 tháng
- Mục đích vay: Đầu tư bổ sung để hoàn chỉnh máy móc, thiết bị sản xuất gạch men (giải ngân thanh toán phần chi phí sẽ tiếp tục đầu tư hoặc hoàn trả lại chi phí đã đầu tư)
- Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Dư nợ vay đến 31/12/12: 4.516.663.000 đồng
- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản
- Tài sản đảm bảo
 - Bất động sản số 40/5 Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q.11, TP.HCM
 - Bất động sản số 299/20 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM
 - Toàn bộ tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Thửa đất số 92, Tờ bản đồ số 38, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai và Thửa đất số 92, Tờ bản đồ số 19, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai (bao gồm cả giá trị quyền được thuê đất)
 - Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong
 - Hàng tồn kho bình quân thuộc quyền sở hữu của công ty Cổ Phần Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(b) Hợp đồng tín dụng số 132239329 ngày 19/03/2012 với Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số tiền vay: 70.000.000.000 VND
- Thời hạn vay: 60 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh gạch ốp lát
- Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Dư nợ vay đến 31/12/12: 59.499.700.000 đồng
- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản
- Tài sản đảm bảo - Bất động sản số 299/20 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM

(c) Hợp đồng tín dụng số 89729039 ngày 09/11/2010 với Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số tiền vay: 600.000.000 VND
- Thời hạn vay: 36 tháng
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Hyundai HD120 mới 100% nhập khẩu nguyên chiếc cho Công ty CP Huỳnh Đề Ô Tô
- Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Dư nợ vay đến 31/12/12: 182.500.000 đồng
- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản
- Tài sản đảm bảo - Xe ô tô hiệu HyunDai - HD120 mới 100% màu trắng, và thùng mui bạt Inox; Số khung : KMFLA 19APAC 044813; Số máy: D6DAA 307987; Biển số: 54U-3410 - Thuộc quyền sở hữu của Công Ty CP Đầu Tư - Sản Xuất - Thương Mại Kim Phong

(d) Hợp đồng tín dụng số 55342/HĐ-CVTSBĐ-PN/TCB.TÂN PHÚ ngày 13/01/2009 với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Techcombank

- Số tiền vay: 2.300.000.000 VND
- Thời hạn vay: 48 tháng
- Mục đích vay: Mua xe
- Lãi suất vay: 12.75%/ năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay
- Dư nợ vay đến 31/12/12: 48.700.000 đồng
- Hình thức vay: Vay có đảm bảo bằng tài sản
- Tài sản đảm bảo - Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu BMW, số máy : 53324208, số khung 00037, Biển số: 52U-1938

(24.2) Là số tiền vay dài hạn của các cá nhân sau:

- Bùi Hồng Phụng	27,500,000,000
- Lâm Hải	36,500,000,000
- Lâm Mộng Ảnh	46,800,000,000
- Lê Hữu Khang	67,000,000,000
- Lý Chí Cường	59,000,000,000
- Lý Chí Hùng	43,000,000,000
- Tạ Tú Khiển	53,600,000,000
- Tạ Xuân Mỹ	39,976,800,000
Tổng Cộng	<u><u>373,376,800,000</u></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(24.3) Là khoản nợ dài hạn do thuê tài chính sau:

(a) Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.04.08/HĐCTTCLB-KP ngày 02/07/2008 với Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu, phụ lục hợp đồng số 01.04.08/HĐCTTCLB-KP ngày 04/03/2010, phụ lục hợp đồng số 01.04.08/HĐCTTCLB-KP ngày 22/10/2010

- | | |
|-------------------------|---|
| - Tài sản thuê: | Lò nung Firing Kiln L13000/K2400, xuất xứ Trung Quốc, trị giá 15.384.997.972 đồng (giá đã bao gồm 5% thuế giá trị gia tăng) |
| - Địa điểm lắp đặt | Nhà máy bên thuê tại Xã Phước Điền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| - Số tiền cho thuê | 11.721.903.217 đồng |
| - Trả trước | 3.663.094.755 đồng |
| - Giá trị mua lại | 3.000.000 đồng/ tài sản |
| - Số tiền ký cược | 2.197.857.000 đồng |
| - Thời hạn thuê | 69 tháng |
| - Mục đích | Phục vụ việc sản xuất gạch men |
| - Lãi suất | Lãi suất trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng Á Châu, nhận lãi cuối kỳ + 5.1%/ năm |
| - Lãi suất quá hạn | 150% lãi suất trong hạn |
| - Số dư nợ đến 31/12/12 | 3.349.115.212 đồng |

(b) Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.04.08/HĐCTTC ngày 01/04/2008, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01.04.08/HĐSDBS-KP ngày 15/06/2008 với Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu (ACBL)

- | | |
|-------------------------|--|
| - Tài sản thuê: | Lò nung và máy nén khí trị giá 786.530 USD (giá chưa bao gồm phí hải quan, thuế nhập khẩu và các phí khác đối với tài sản nhập khẩu) |
| - Địa điểm lắp đặt | Nhà máy bên thuê tại Xã Phước Điền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| - Số tiền cho thuê | 629.224 USD |
| - Trả trước | 157.306 UD |
| - Giá trị mua lại | 7.000.000 VND/ tài sản |
| - Số tiền ký cược | 117.980 USD |
| - Thời hạn thuê | 69 tháng |
| - Mục đích | Phục vụ việc sản xuất gạch men |
| - Lãi suất | Lãi suất trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng Á Châu, nhận lãi cuối kỳ + 5.1%/ năm |
| - Lãi suất quá hạn | 150% lãi suất trong hạn |
| - Số dư nợ đến 31/12/12 | 2.568.556.760 đồng |

(c) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.11.08/HĐCTTCLB ngày 12/12/2008, phụ lục hợp đồng số 02.11.08/HĐCTTCLB ngày 04/03/2010, phụ lục hợp đồng số 02.11.08/HĐCTTCLB ngày 22/10/2010 với Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu (ACBL)

- | | |
|--------------------|--|
| - Tài sản thuê: | Bộ hoàn chỉnh lò sấy cao tốc 3 tầng và phụ tùng đồng bộ đính kèm, xuất xứ Trung Quốc, mới 100% |
| - Địa điểm lắp đặt | Nhà máy bên thuê tại Xã Phước Điền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| - Số tiền cho thuê | 3.685.000.000 đồng |
| - Trả trước | 1.228.426.994 đồng |
| - Giá trị mua lại | 5.000.000 đồng / máy |
| - Số tiền ký cược | 344.000.000 đồng |
| - Thời hạn thuê | 60 tháng |
| - Mục đích | Phục vụ việc sản xuất gạch men |

0309
CỔ
TÁCH
EMTO
TÍN
17

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- | | |
|-------------------------|--|
| - Lãi suất | Lãi suất trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng Á Châu, nhận lãi cuối kỳ + 5.1%/ năm |
| - Lãi suất quá hạn | 150% lãi suất trong hạn |
| - Số dư nợ đến 31/12/12 | 818.878.000 đồng |

(d) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.03.09/HĐCTTCLB-KP ngày 09/03/2009, phụ lục hợp đồng số 02.03.09/HĐCTTCLB ngày 04/03/2010, phụ lục hợp đồng số 02.03.09/HĐCTTCLB ngày 22/10/2010 với Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu (ACBL)

- | | |
|-------------------------|--|
| - Tài sản thuê: | Bộ hoàn chỉnh dây chuyền đánh bóng gạch siêu sáng, xuất xứ Trung Quốc, mới 100% |
| - Địa điểm lắp đặt | Nhà máy bên thuê tại Xã Phước Điền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| - Số tiền cho thuê | 1.170.400.000 đồng |
| - Trả trước | 390.128.077 đồng |
| - Giá trị mua lại | 5.000.000 đồng / máy |
| - Số tiền ký cược | 109.000.000 đồng |
| - Thời hạn thuê | 60 tháng |
| - Mục đích | Thực vụ việc sản xuất gạch men |
| - Lãi suất | Lãi suất trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng Á Châu, nhận lãi cuối kỳ + 5.1%/ năm |
| - Lãi suất quá hạn | 150% lãi suất trong hạn |
| - Số dư nợ đến 31/12/12 | 325.101.000 đồng |

400
NG
KIỂM
KIỂM VÀ
VI
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
- Số dư đầu năm nay	125,000,000,000	(4,428,788,084)	-	-	20,822,265,227	141,393,477,143	
- Tăng trong năm	-	4,428,788,084	-	-	2,805,128,310	7,233,916,394	
Trong đó:							
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	4,428,788,084	-	-	2,805,128,310	7,233,916,394	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Giảm trong năm	-	-	-	-	42,576,176	42,576,176	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác (tiền phạt)	-	-	-	-	42,576,176	42,576,176	
- Số dư cuối năm	125,000,000,000	-	-	-	23,584,817,361	148,584,817,361	

25.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	%	01/01/2012	%
Bùi Hồng Phương	10,000,000,000	8.00%	10,000,000,000	8.00%
David Lee (Lý Chí Cường)	16,000,000,000	12.80%	16,000,000,000	12.80%
Lâm Hải	12,000,000,000	9.60%	12,000,000,000	9.60%
Lâm Mộng Ánh	24,770,000,000	19.82%	24,770,000,000	19.82%
Lê Hữu Khang	12,500,000,000	10.00%	12,500,000,000	10.00%
Ly Anthony Chi (Lý Chí Hùng)	10,000,000,000	8.00%	10,000,000,000	8.00%
Tạ Tiên Mỹ	15,000,000,000	12.00%	15,000,000,000	12.00%
Các cổ đông khác	24,730,000,000	19.78%	24,730,000,000	19.78%
Tổng cộng	125,000,000,000	100%	125,000,000,000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

CỔ PHIẾU

- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
+ *Cổ phiếu thường*
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ *Cổ phiếu thường*

(Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu)

	31/12/2012	01/01/2012
	12,500,000	12,500,000
	12,500,000	12,500,000
	12,500,000	12,500,000
	-	-
	12,500,000	12,500,000
	12,500,000	12,500,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

26. DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Tổng doanh thu	443,451,314,105	422,317,378,652
Doanh thu bán thành phẩm	441,093,267,435	422,317,378,652
Doanh thu bán nguyên liệu	2,358,046,670	
- Các khoản giảm trừ doanh thu	184,439,500	-
+ Hàng bán bị trả lại	184,439,500	-
Tổng cộng	443,266,874,605	422,317,378,652

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	386,194,168,081	361,522,685,487
- Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	2,195,591,197	
Tổng cộng	388,389,759,278	361,522,685,487

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	360,272,475	172,997,224
- Lãi chênh lệch tỷ đã thực hiện	446,484,649	1,038,706,560
- Khác	-	276,861
Tổng cộng	806,757,124	1,211,980,645

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí lãi vay	38,144,305,164	39,632,850,395
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,042,145,017	2,904,377,383
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3,968,282,913	
- Khác	-	16,936,287
Tổng cộng	43,154,733,094	42,554,164,065

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí lương	415,306,000	445,618,500
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1,680,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	699,970,573
- Chi phí bằng tiền khác	3,335,608,774	4,109,007,998
Tổng cộng	3,750,914,774	5,256,277,071

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	768,752,400	718,410,000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	205,687,331	88,155,056
- Chi phí khấu hao TSCĐ	714,608,926	702,626,124
- Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	37,037,219
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	809,481,944	790,010,552
- Chi phí bằng tiền khác	6,935,980,622	4,861,842,172
Tổng cộng	9,437,511,223	7,198,081,123

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Điều chỉnh công nợ	9,495,622	514,927,574
- Điều chỉnh thuế	-	45,750,882
- Thu thanh lý tài sản cố định	3,721,476,363	7,000,000
- Nhập hàng mẫu không phải thanh toán	181,384,321	
- Khác		566,300
Tổng cộng	3,912,356,306	568,244,756

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Lãi phạt do chậm thanh toán, phạt vi phạm hành chính	126,257,929	15,000,000
- Điều chỉnh công nợ	163,042	-
- Chi phí còn lại thanh lý tài sản cố định	321,520,385	-
- Khác	-	1,382,443
Tổng cộng	447,941,356	16,382,443

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	1,936,159,782
Tổng cộng	-	1,936,159,782

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,805,128,310	7,550,013,864
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(48,873,630,789)	194,625,264
+ Các khoản điều chỉnh tăng (những khoản chi không hợp lệ)		194,625,264
Chi phí khấu hao xe BMW	178,242,824	178,242,821
Nộp phạt do vi phạm hành chính	126,257,929	16,382,443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Chênh lệch tỷ giá tiền và các khoản phải thu	(1,446,604,694)	
- Chi phí còn lại thanh lý hệ thống than đá	(47,731,526,848)	
- Tổng thu nhập chịu thuế	(46,068,502,479)	7,744,639,128
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)		1,936,159,782
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	54,202,974	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	447,314,679	1,881,956,808
- Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		54,202,974
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp dư	393,111,705	

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2,805,128,310	5,613,854,082
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12,500,000	12,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	224.41	449.11

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

2. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương	2,273,959,189	345,102,164
Phải thu khách hàng	13,746,235,709	15,504,547,388
Tài sản tài chính khác	4,598,634,426	4,598,634,426
Tổng cộng	20,618,829,324	20,448,283,978
Công nợ tài chính		
Phải trả cho người bán	150,018,926,271	87,228,563,807
Vay và nợ	600,209,614,344	649,192,156,588
Phải trả người lao động	1,247,521,000	-
Các khoản phải trả khác	54,732,399,485	9,377,470,790
Tổng cộng	806,208,461,100	745,798,191,185

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá trên khả năng trả nợ của từng khách hàng. Công ty đã ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được.

2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động về thị giá. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết và thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá ngoại hối trong tương lai, duy trì dự nợ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2012	1/01/2012	31/12/2012	1/01/2012
Tiền và các khoản tương đương	\$510.49	\$1,403.08		
	€ 217.04	€ 3,380.09		
Phải trả người bán			\$1,469,545.17	\$1,571,157.00
Vay ngắn hạn			\$1,092,899.00	\$1,539,508.00
	<u>\$727.53</u>	<u>\$4,783.17</u>	<u>\$2,562,444.17</u>	<u>\$3,110,665.00</u>

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn thời điểm và kỳ hạn phù hợp trong năm để có lãi suất có lợi nhất và nằm trong quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro giá cả

Rủi ro giá cả là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá trị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư thuộc nhóm sẵn sàng để bán. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành tái cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh là các khoản phải thu người mua.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa tài sản đến hạn so với công nợ đến hạn trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Công ty đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên, Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối năm				
Các khoản vay	155,523,600,372	71,309,213,972	373,376,800,000	600,209,614,344
Phải trả cho người bán	113,018,098,256	37,000,828,015		150,018,926,271
Phải trả người lao động	1,247,521,000			1,247,521,000
Các khoản phải trả khác	432,399,485		54,300,000,000	54,732,399,485
Cộng	270,221,619,113	108,310,041,987	427,676,800,000	806,208,461,100
Số đầu năm				
Các khoản vay	194,577,387,148	25,637,969,440	428,976,800,000	649,192,156,588
Phải trả cho người bán	41,237,309,639	45,991,254,168		87,228,563,807
Các khoản phải trả khác	597,470,790	780,000,000	8,000,000,000	9,377,470,790
Cộng	236,412,167,577	72,409,223,608	436,976,800,000	745,798,191,185

Chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phát sinh

	<u>năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương	2,273,959,189			2,273,959,189
Phải thu khách hàng	13,746,235,709			13,746,235,709
Tài sản tài chính khác		4,598,634,426		4,598,634,426
Cộng	16,020,194,898	4,598,634,426		20,618,829,324
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương	345,102,164			345,102,164
Phải thu khách hàng	15,504,547,388			15,504,547,388
Tài sản tài chính khác		4,598,634,426		4,598,634,426
Cộng	15,849,649,552	4,598,634,426		20,448,283,978

Kế toán trưởng



Phạm Trần Chiêu Dương

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2013



Huỳnh Chí Công